

VÀI NÉT VỀ CẢI CÁCH NÔNG THÔN Ở TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM (1978 - 2006)

THS. NGUYỄN XUÂN CƯỜNG

Viện Nghiên cứu Trung Quốc

Trung Quốc và Việt Nam đều là hai nước nông nghiệp, dân số nông thôn đông, nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tổng sản phẩm xã hội, cải cách và đổi mới đều xuất phát từ nông nghiệp và nông thôn. Việt Nam và Trung Quốc đều thực hiện đổi mới và cải cách nông nghiệp bằng việc thực hiện chế độ khoán, cải cách thể chế thu mua, giá cả nông sản thực phẩm; giải phóng và phát triển sức sản xuất, xây dựng hệ thống thị trường nông thôn... và cả hai nước đều gặt hái được nhiều thành tựu to lớn. Tuy nhiên, hiện nay nông thôn hai nước vẫn đứng trước nhiều vấn đề khó khăn thách thức. Những bước tìm tòi trong xây dựng nông thôn giai đoạn mới ở Trung Quốc là những kinh nghiệm cho chúng ta trong quá trình đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn.

1. Tiến trình cải cách nông thôn

Việt Nam và Trung Quốc đều thực hiện đổi mới và cải cách nông nghiệp

bằng việc thực hiện chế độ khoán, cải cách thể chế thu mua, giá cả nông sản thực phẩm. Đây chính là nội dung của giai đoạn thứ nhất trong cải cách nông thôn ở Trung Quốc và đổi mới nông thôn ở Việt Nam.

Về chế độ khoán. Tại Trung Quốc, từ năm 1978 đã tiến hành cải cách thể chế kinh tế nông thôn, thực hiện hình thức khoán đến hộ gia đình. Chế độ khoán trách nhiệm đã trải qua các bước như từ cuối năm 1978 tới tháng 9 năm 1980 là thời kỳ thí điểm và bước đầu thực hiện chế độ khoán trách nhiệm. Bước thứ hai từ tháng 10-1980 tới cuối năm 1981 là thời kỳ chế độ khoán trách nhiệm bước vào giai đoạn phát triển. Từ năm 1982, chế độ khoán trách nhiệm bước vào thời kỳ tổng kết, ổn định và hoàn thiện. Đến cuối năm 1984 cả nước có 5,69 triệu đội sản xuất, trong đó 99,96% số đội đã thực hiện khoán sản đến hộ hay khoán toàn bộ đến hộ, chiếm 98,2% số thôn, 96,3% số hộ, và 98,6% đất canh tác trong cả nước⁽¹⁾. Như vậy, xác lập và hoàn thiện

chế độ khoán đã đánh dấu hoàn thành giai đoạn thứ nhất (1978-1984) trong cải cách thể chế nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

Tại Việt Nam, bắt đầu từ năm 1981 khi Ban Bí thư Trung ương Đảng đưa ra chỉ thị 100 về khoán cây lúa đến nhóm và người lao động. Từ năm 1986, thực hiện khoán ruộng đất đến các hộ nông dân (khoán tất cả các khâu cho nông dân). Chính nhờ các chủ trương trên, sản xuất nông nghiệp đã bước qua khủng hoảng và bắt đầu phát triển ổn định. Sản lượng lương thực tăng qua các năm: năm 1985 đạt 18,2 triệu tấn, năm 1986 đạt 18,3 triệu tấn, năm 1988 đạt 19,5 triệu tấn, tới năm 1990 đạt 21,5 triệu tấn. Lương thực bình quân đầu người cũng tăng từ 304 kg/người năm 1985 lên 324/kg người năm 1990. Năm 1989, Việt Nam bắt đầu xuất khẩu gạo với số lượng lớn. Tổng giá trị nông sản xuất khẩu năm 1989 đạt 1 tỷ USD, năm 1990 đạt 1,14 tỷ USD, chiếm 50% tổng giá trị hàng xuất khẩu cả nước, tăng gấp 5 lần so với năm 1986⁽²⁾. Nông dân Việt Nam còn được giữ 5% đất đai để sản xuất cá thể và tham gia hoạt động thị trường. Trung Quốc hầu như không còn hiện tượng này, đất phân trăm bị coi là "cái đuôi" của CNTB và phải cắt bỏ. Mức độ tập thể hoá của Trung Quốc cao và triệt để. Tại Việt Nam mức độ tập thể hoá không triệt để và tập thể hoá nông nghiệp chủ yếu ở miền Bắc. Năm 1993, Việt Nam thông qua Luật Đất đai, quy định rõ quyền sử dụng đất của nông dân, sở hữu đất đai thuộc về Nhà nước, quyền sử dụng ruộng đất có thể cho thuê, chuyển nhượng... quy định thời hạn

khoán là 20 năm đối với đất canh tác, nuôi trồng và 50 năm đối với đất lâm nghiệp. Quyền sở hữu đất đai ở Trung Quốc thuộc về tập thể, thời hạn khoán đã hai lần thay đổi. Tới năm 2003, Trung Quốc mới công bố Luật khoán đất đai.

Về cải cách hệ thống lưu thông lương thực, Việt Nam bắt đầu từ năm 1989 theo lộ trình xóa bỏ thu mua lương thực, xoá bỏ hai loại giá, cải cách công ty lương thực. So với Trung Quốc, bước đi cải cách thể chế lưu thông lương thực của Việt Nam lớn hơn, mục tiêu rõ ràng hơn, tiến triển tương đối thuận lợi⁽³⁾. Tất nhiên, điều kiện và bối cảnh cải cách hệ thống lưu thông lương thực của Việt Nam khác so với Trung Quốc. Tiềm năng sản xuất lương thực của Việt Nam lớn, sau mấy năm thực hiện khoán sản, Việt Nam không những đã giải quyết được tình trạng thiếu đói mà còn đạt được thành tích to lớn về xuất khẩu lương thực.

Như vậy, giai đoạn 1986-1989 là thời kỳ chuyển đổi cơ chế quản lý nông nghiệp và kinh tế nông thôn ở Việt Nam. Tại Trung Quốc, nửa cuối thập kỷ 80 thế kỷ XX là thời kỳ phát triển mạnh mẽ của xí nghiệp hương trấn. Đây chính là giai đoạn thứ hai trong cải cách nông thôn ở Trung Quốc (1985-1991). Từ năm 1985, nông nghiệp nông thôn Trung Quốc tiếp tục đi sâu vào cải cách, công xã nhân dân bị giải thể, xí nghiệp hương trấn phát triển mạnh mẽ. Năm 1978, giá trị sản lượng xí nghiệp hương trấn đạt 49,3 tỷ NDT, năm 1985 lên 272,8 tỷ NDT, tới năm 1987 giá trị sản lượng của các xí nghiệp hương trấn vượt qua giá trị sản

lượng nông nghiệp⁽⁴⁾. Đến năm 1988, giá trị sản lượng của các xí nghiệp hương trấn đạt 499,29 tỷ NDT, chiếm 27,4% tổng giá trị sản lượng công nghiệp toàn quốc, số công nhân lên tới 57 triệu người. Mức tăng trưởng bình quân giá trị sản lượng của các xí nghiệp hương trấn trong giai đoạn 1984-1988 đạt 38,1%⁽⁶⁾. Xí nghiệp hương trấn không chỉ tăng nhanh về số lượng, đa dạng hoá loại hình sở hữu, mà còn mở rộng phạm vi sản xuất kinh doanh với nhiều ngành nghề công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ.

Cuối thập kỷ 80 đầu thập kỷ 90 thế kỷ XX, ở nông thôn Trung Quốc xuất hiện các tổ chức kết hợp giữa nông hộ với công ty, hoặc nông hộ với tập thể, nông hộ cùng với các tổ chức kinh tế v.v.. tiến hành liên kết sản xuất, tiêu thụ, kết hợp giữa nông nghiệp - công nghiệp và thương nghiệp, kết nối các khâu thành một dây chuyền. Đây chính là quá trình ngành nghề hoá nông nghiệp. Năm 1997, Trung Quốc có 11834 tổ chức kinh doanh ngành nghề hoá nông nghiệp. Sự phát triển của các ngành phi nông nghiệp đã góp phần quan trọng, tạo động lực đẩy nhanh quá trình đô thị hoá nông thôn. Cải cách nông thôn bước vào giai đoạn xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN.

Đại hội XIV của ĐCS Trung Quốc (năm 1992) nêu ra mục tiêu xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN, tiếp tục đi sâu cải cách, tăng cường mở cửa. Cải cách nông nghiệp nông thôn tiếp tục đi sâu với việc ổn định và hoàn thiện chế

độ khoán; xây dựng hệ thống thị trường nông thôn; phát triển ngành nghề hoá nông nghiệp; chuyển biến chức năng của chính quyền; đẩy nhanh đô thị hoá và hội nhập quốc tế nông nghiệp. Cuối thập kỷ 90 thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI, vấn đề “nông nghiệp, nông thôn, nông dân” trở thành tiêu điểm của dư luận xã hội. Tháng 3 năm 2003, kỳ họp Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc đã coi công tác “tam nông” là trọng điểm của công tác kinh tế. Tháng 11-2003, ĐCS và Quốc vụ viện Trung Quốc đưa ra Quyết định về một số vấn đề hoàn thiện kinh tế thị trường XHCN, trong đó bao gồm một số nội dung quan trọng như: Đi sâu cải cách nông thôn, hoàn thiện thể chế kinh tế nông thôn: hoàn thiện chế độ ruộng đất nông thôn, kiện toàn dịch vụ xã hội hoá nông nghiệp, đi sâu cải cách chế độ thuế phí ở nông thôn, cải thiện điều kiện chuyển dịch việc làm và lao động dôi dư ở nông thôn. Tháng 1-2006, Trung ương ĐCS và Quốc vụ viện Trung Quốc đã đưa ra “Ý kiến về thúc đẩy xây dựng nông thôn mới XHCN” (Văn kiện số 1-2006); tháng 3-2006, Đại hội Đại biểu nhân dân toàn Trung Quốc đã thông qua “Chương yếu quy hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm lần thứ XI (Chương yếu), nhấn mạnh việc xây dựng nông thôn mới XHCN.

Tại Việt Nam, đầu thập kỷ 90 thế kỷ XX, Việt Nam đề ra chủ trương đẩy mạnh phát triển hàng hoá và hướng tới xuất khẩu. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII (năm 1991) của ĐCS Việt Nam đã xác định việc phát triển toàn diện

kinh tế nông thôn gắn với công nghiệp và xây dựng nông thôn. Sản xuất lương thực tăng từ 21,5 triệu tấn năm 1990 tăng lên 27,5 triệu tấn năm 1995, lương thực bình quân đầu người cũng tăng lên 372 kg năm 1995. Những năm 1991-1995 đã xuất hiện một số mô hình tổ chức sản xuất kiểu mới như kinh tế trang trại, tổ hợp tác tự nguyện, hợp tác xã kiểu mới. Tới năm 1994, có 60% số xã có điện, 86,4% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã, 98% có trường cấp I, 76% có trường cấp II, 92% có trạm xá, 49,3% số xã có trạm biến thế⁽⁶⁾. Những năm 1996-2000, sản xuất lương thực phát triển toàn diện, tăng trưởng nhanh và vượt xa mục tiêu đề ra. Năm 2000, sản lượng lương thực quy thóc đạt 35,64 triệu tấn vượt 11-18% so với mục tiêu đề ra. Lượng lương thực bình quân đầu người cũng tăng từ 357 kg lên 455kg năm 2000.

Hội nghị Trung ương 5 khoá VII của ĐCS Việt Nam (1993) đã ra Nghị quyết về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế-xã hội nông thôn. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII (1996) đã xác định nội dung, giải pháp thực hiện công nghiệp hoá hiện đại hoá

nông nghiệp nông thôn. Hội nghị Trung ương 5 khoá IX (2002) đã xác định quan điểm, mục tiêu và nội dung của đẩy nhanh CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn: “Ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn; phát huy nguồn lực con người; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với thị trường; phát triển nông nghiệp nông thôn bền vững...phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế; kết hợp chặt chẽ các vấn đề kinh tế và xã hội,..”. Ngày 28-6-2005, Thủ tướng Chính phủ đã ra chỉ thị 24/2005/CT-Ttg về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện nghị quyết TW.5 khoá IX.

2. Thành tựu và hạn chế

Sự phát triển của kinh tế-xã hội nông thôn Trung Quốc và Việt Nam những năm qua cho thấy. Công cuộc cải cách, đổi mới nông thôn ở Trung Quốc và Việt Nam đều giành được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử, tạo tiền đề vững chắc cho việc đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá của hai nước.

BẢNG GDP NÔNG THÔN TRUNG QUỐC⁽⁷⁾ VÀ VIỆT NAM⁽⁸⁾

Năm	Khu vực I (%)		Khu vực II (%)		Khu vực III (%)	
	Trung Quốc	Việt Nam	Trung Quốc	Việt Nam	Trung Quốc	Việt Nam
1997	48,5	70,8	44,5	15,5	7,0	13,7
1998	40,5	70,3	47,2	15,9	12,3	13,8
1999	37,0	70,2	49,6	16,1	13,4	13,7
2000	35,3	70,0	50,4	16,4	14,3	13,6
2005	32,6		52,6		14,8	
2006	29,6		54,8		15,6	

Tại Trung Quốc, trong cơ cấu GDP năm 1978, tổng giá trị sản lượng công nghiệp chiếm 75,2%, tổng giá trị sản lượng nông nghiệp đạt 24,8%. Năm 1993 tỷ trọng công nghiệp và nông nghiệp trong GDP lần lượt là 82,85%:17,2%. Năm 1978, tỷ lệ lao động nông nghiệp là 70,5%, năm 1993 chiếm 57,4%, trong khi năm 1978 cư dân nông thôn chiếm 82,1%, đến năm 1993 cư dân nông thôn chiếm 71,86%, năm 2006 cư dân nông thôn chiếm 56,1%⁽⁹⁾.

Tại Việt Nam, cơ cấu kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng CNH, HĐH. Tỷ trọng giá trị công nghiệp, dịch vụ trong GDP nông thôn từ 9,8% và 10,2% năm 1990 tăng lên 16,4% và 13,8% năm 2000. Từ năm 1995-2000, nông nghiệp liên tục được mùa, sản lượng lương thực bình quân tăng 1,3 triệu tấn/năm. Công nghiệp nông thôn và ngành nghề dịch vụ phi nông nghiệp tiếp tục phát triển và mở rộng, các làng nghề được khôi phục và phát triển. Tới cuối năm 2000, cả nước có 1450 làng nghề, trong đó có 900 làng nghề truyền thống, thu hút hơn 10 triệu lao động, chiếm 29% lực lượng lao động nông thôn⁽⁹⁾. Năm 2002-2003, cơ cấu kinh tế và lao động nông thôn đã chuyển dịch theo hướng công nghiệp và dịch vụ trên cả nước. Tỷ trọng nông nghiệp giảm dần, tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ tăng dần trong tổng giá trị sản xuất. Đến năm 2003, trên địa bàn nông thôn có khoảng 24.000 cơ sở sản xuất kinh doanh các loại ngành nghề phi nông nghiệp. Sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản phát triển theo hướng kinh tế hàng hoá, gắn với thị trường. Năm 2003, sản phẩm gỗ

chế biến đạt 563 triệu USD, vượt kim ngạch xuất khẩu cà phê, cao su, bằng 78% mặt hàng gạo. Cơ cấu nông sản xuất khẩu cũng chuyển từ xuất nguyên liệu thô, sơ chế sang sản phẩm chế biến, chất lượng và sức cạnh tranh tăng dần. Năm 2003, 86% số xã, 77% số thôn có điện, 99,9% số xã có trường tiểu học, 84,5% số xã có trường trung học cơ sở, 8,7% số xã có trường phổ thông trung học. Thu nhập và đời sống của cư dân nông thôn được cải thiện. Thu nhập của nông hộ tăng từ 225 nghìn đồng năm 1999 tăng lên 275 nghìn đồng năm 2002. Tỷ lệ hộ nghèo ở nông thôn giảm từ 15,6% năm 1999 xuống 11,9% năm 2002 và 11% năm 2003.

Qua đối chiếu chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế giữa Trung Quốc và Việt Nam nói chung, kinh tế nông nghiệp nói riêng, chúng ta có thể thấy cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn Trung Quốc chuyển đổi nhanh. Quá trình chuyển đổi trên là nhờ Trung Quốc đã giải phóng và phát triển tốt sức sản xuất ở nông thôn, phối hợp các nguồn lực trong nước, kết hợp giữa cải cách mở cửa, thúc đẩy phát triển công nghiệp nói chung và công nghiệp nông thôn nói riêng. Từ năm 1987, giá trị công nghiệp của xí nghiệp hương trấn đã vượt qua tổng giá trị của ngành nông nghiệp và công nghiệp nông thôn đã trở thành trụ cột của kinh tế nông thôn. Đồng thời, kinh doanh ngành nghề hoá, đa dạng hoá nông nghiệp, các tổ chức kinh tế hợp tác nông thôn cũng có bước phát triển mới, quá trình đô thị hoá nông thôn cũng có bước tiến triển tốt.

Qua đây có thể thấy, Trung Quốc đã giải phóng và phát triển tốt sức sản xuất ở nông thôn, phối hợp tốt các nguồn lực giữa các ngành và các vùng, phối hợp giữa cải cách trên phạm vi toàn quốc với cải cách ở nông thôn. Mở cửa các tỉnh thành phố duyên hải miền Đông, mở cửa các tỉnh dọc theo các sông lớn và mở cửa các tỉnh ven biên giới, thực hiện một số tỉnh giàu có trước, thành thị giàu có trước để có điều kiện quay trở lại lôi kéo nông thôn và nông nghiệp. Việc các tỉnh miền Đông giàu có lên trước cũng góp phần làm chuyển dịch ngành nghề và cơ cấu lao động của các tỉnh miền Trung, miền Tây và đặc biệt là khu vực nông thôn.

♦ Hạn chế và khó khăn

- Tại Việt Nam, cơ cấu nông nghiệp chuyển dịch chậm. Năm 2000, tỷ trọng chăn nuôi mới chiếm 17,1% giá trị sản xuất nông nghiệp, không đạt mục tiêu tới năm 2000 đưa tỷ trọng ngành chăn nuôi lên 20%. Cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp chuyển dịch chậm đã làm chậm quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và cơ cấu kinh tế quốc dân nói chung. Kinh tế nông thôn vẫn nặng về nông nghiệp (chiếm 65%), trong nông nghiệp nặng về trồng trọt (78%), cây lúa vẫn đóng vai trò chủ yếu trong cơ cấu cây trồng, tỷ trọng giá trị chăn nuôi chỉ chiếm 23%. Cơ cấu lao động nông thôn chuyển dịch chậm, cơ bản vẫn là thuần nông (năm 2001 lao động nông nghiệp là 63,5%, năm 2004 chiếm 58,7% tổng số lao động xã hội⁽¹¹⁾). Tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động nông nghiệp nông thôn vẫn còn chậm, không đều.

Cho đến nay, kinh tế nông thôn về cơ bản vẫn là nông nghiệp, sản xuất phân tán, quy mô nhỏ, kỹ thuật canh tác lạc hậu. Sản xuất nông nghiệp hàng hoá tăng chậm, chất lượng và giá nông sản vẫn còn kém sức cạnh tranh. Tỷ suất hàng hoá và thu nhập của nông dân còn thấp và tăng chậm. Ngành nghề dịch vụ phi nông nghiệp nông thôn vẫn trong tình trạng lúng túng, thiếu định hướng phát triển, chưa tạo ra thị trường để thu hút lao động. Kinh tế tập thể, chủ yếu là các hợp tác xã chưa có chuyển biến rõ nét, chưa thoát khỏi tình trạng yếu kém. Doanh nghiệp tư nhân quy mô nhỏ bé, chủ yếu là dịch vụ và chỉ phát triển mạnh ở ven đô thị, hoặc ở nơi có kết cấu hạ tầng tương đối phát triển⁽¹²⁾.

Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn nhiều vùng còn khó khăn, chất lượng nguồn nhân lực thấp, lao động dư thừa nhiều. Thu nhập bình quân cư dân nông thôn tăng chậm, hơn 90% hộ nghèo của cả nước tập trung ở khu vực nông thôn. Đời sống của cư dân nông thôn vẫn còn khó khăn, 78,6% số hộ nông thôn vẫn lấy nguồn thu nhập chính từ nông nghiệp, chỉ có 21,4% số hộ có nguồn thu nhập chính từ các hoạt động công nghiệp và dịch vụ. Cơ cấu thu từ sản xuất kinh doanh của nông thôn chủ yếu vẫn từ nông nghiệp (75,6%), công nghiệp chỉ có 13,8%, dịch vụ 10,6%⁽¹³⁾. Đời sống văn hoá chậm được cải thiện, tệ nạn xã hội, ô nhiễm môi trường ở nhiều vùng có xu hướng gia tăng.

- Công nghiệp nông thôn của Việt Nam phát triển chậm, tỷ trọng trong

tổng giá trị sản phẩm nông thôn thấp, chưa trở thành trụ cột của kinh tế nông thôn. Quá trình chuyển sang nông nghiệp hàng hoá phát triển không đều, trong khi các tỉnh Nam Bộ và Tây Nguyên chuyển nhanh sang sản xuất hàng hoá, tỷ suất hàng hoá cao thì các tỉnh miền Trung và miền Bắc lại diễn ra chậm, nhiều vùng vẫn duy trì phương thức tự cung, tự cấp.

Tại Trung Quốc, vấn đề cơ cấu thị trường thành thị-nông thôn⁽¹⁴⁾ tương đối nghiêm trọng, là trở ngại để giải quyết vấn đề nông thôn và nông dân ở Trung Quốc. Chênh lệch thành thị và nông thôn theo xu hướng ngày càng mở rộng, chênh lệch qua nhiều phương diện như thu nhập, tiêu dùng, phúc lợi xã hội, đời sống văn hoá,.. Đặc biệt là số lao động di cư ở nông thôn còn nhiều, lao động nông nghiệp còn đông. Mức độ đô thị hoá chậm hơn so với mức độ công nghiệp hoá. Quan hệ giữa công nghiệp-nông nghiệp, thành thị và nông thôn mất cân đối và không hài hoà. Cơ cấu ngành nghề mâu thuẫn, ngành công nghiệp và dịch vụ nông thôn phát triển chậm, chuyển hoá gia công nông sản chậm, giá trị ngành nuôi trồng còn thấp. Ngoài ra, chênh lệch giữa miền Đông và miền Trung, miền Tây, giữa nông thôn miền Đông với nông thôn miền Tây Trung Quốc. Mức độ đô thị hoá của Trung Quốc chậm hơn so với tốc độ công nghiệp hoá, và ngành dịch vụ phát triển chậm đã không tạo điều kiện để chuyển dịch số lao động nông nghiệp sang phi nông nghiệp. Mức độ đô thị hoá 17,9% năm 1978 tăng lên 23,01% năm 1984, đến năm 1992

tăng lên 27,6% và gần đây năm 2001 là 37,7%, năm 2002 là 39,1%. Mặt khác, các đô thị chủ yếu tập trung ở duyên hải miền Đông, ven các sông lớn, mức đô thị hoá đạt gần 40%, còn các vùng miền Tây mức độ đô thị hoá thậm chí không vượt qua 30%. Để giải quyết vấn đề cơ cấu thị trường, đẩy nhanh phát triển kinh tế-xã hội nông thôn. Trung Quốc đã đề ra chủ trương xây dựng nông thôn XHCN trong giai đoạn mới.

3. Triển vọng cải cách nông thôn Trung Quốc và những gợi mở đối với Việt Nam

Hội nghị Trung ương 5 khoá XVI đã thông qua "*Kiến nghị của Trung ương ĐCS Trung Quốc về chế định quy hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm lần thứ XI* (Kiến nghị) đã xác định nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới XHCN. Tháng 1-2006, Trung ương ĐCS và Quốc vụ viện Trung Quốc đã đưa ra "*Ý kiến về thúc đẩy xây dựng nông thôn mới XHCN*" (Văn kiện số 1-2006); tháng 3-2006, Đại hội Đại biểu nhân dân toàn Trung Quốc đã thông qua "*Cương yếu quy hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm lần thứ XI* (Cương yếu), nhấn mạnh việc xây dựng nông thôn mới XHCN. Xây dựng nông thôn mới XHCN được xem là nỗ lực mới của Trung Quốc trong tìm kiếm giải pháp đẩy nhanh cải cách nông thôn, giải quyết vấn đề tam nông.

Xây dựng nông thôn mới có nội dung: "*sản xuất phát triển, đời sống sung túc, thôn làng văn minh, thôn xã gọn gàng, quản lý dân chủ*". Xây dựng nông thôn mới lần này được đưa ra trong bối cảnh

mới, tức Trung Quốc đang ở trong giai đoạn có khả năng và điều kiện thực hiện công nghiệp nuôi nông nghiệp, thành thị hỗ trợ nông thôn. Thực hiện phương châm “cho nhiều, lấy ít, làm sống động”. Dùng quan điểm phát triển phối hợp thành thị nông thôn để xây dựng nông thôn mới, xây dựng nông dân kiểu mới. Coi xây dựng nông thôn mới XHCN là khâu quan trọng trong xây dựng hiện đại hoá XHCN của Trung Quốc, xuất phát từ cao độ toàn cục xây dựng hiện đại hoá XHCN, thích ứng với đòi hỏi phát triển kinh tế xã hội trước tình hình mới⁽¹⁵⁾. Như vậy, chúng ta có thể thấy, xây dựng nông thôn mới XHCN có nội dung mới, tư duy mới, phương châm mới, chiến lược mới và con đường mới.

- Xây dựng nông thôn mới XHCN là biện pháp quan trọng quán triệt thực hiện quan niệm phát triển khoa học. Một nội dung quan trọng của quan niệm phát triển khoa học là phát triển toàn diện, hài hoà và bền vững giữa kinh tế xã hội, đặc biệt là phát triển hài hoà nông thôn thành thị. Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào coi xây dựng nông thôn mới XHCN là công trình lòng dân, mang lại lợi ích cho quảng đại quần chúng nhân dân⁽¹⁶⁾.

- Xây dựng nông thôn mới XHCN là đòi hỏi tất yếu bảo đảm xây dựng hiện đại hoá Trung Quốc tiến hành thuận lợi. Xử lý tốt quan hệ giữa thành thị và nông thôn, công nghiệp và nông nghiệp sẽ làm cho kinh tế xã hội phát triển nhanh chóng và sớm bước vào hàng ngũ các nước hiện đại hoá, nếu không xử lý tốt

quan hệ giữa thành thị và nông thôn, công nghiệp và nông nghiệp sẽ dẫn tới sự tụt hậu của nông thôn, tiến trình hiện đại hoá bị trở ngại. Phải đưa phát triển nông thôn vào tiến trình hiện đại hoá, làm cho xây dựng nông thôn mới XHCN được thúc đẩy đồng bộ cùng công nghiệp hoá, đô thị hoá, để hàng trăm triệu nông dân được hưởng thành quả của hiện đại hoá. Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo phát biểu, xây dựng nông thôn mới XHCN là nhiệm vụ lịch sử to lớn trong tiến trình hiện đại hoá XHCN của Trung Quốc⁽¹⁷⁾.

Quá trình cải cách nông thôn Trung Quốc cho thấy những nhân tố và bài học kinh nghiệm quý như: *Một là*, không ngừng nâng cao nhận thức về vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân, coi vấn đề nông dân là vấn đề hạt nhân, phải tôn trọng quyền lợi của nông dân, nông dân phải được hưởng các thành quả của cải cách và mở cửa. *Hai là*, giải phóng và phát triển sức sản xuất xã hội. Phát huy ưu thế của mỗi địa phương, kết hợp nguồn lực vùng miền, nguồn lực trong và ngoài nước, gắn phát triển kinh tế-xã hội nông thôn với tiến trình xây dựng hiện đại hoá đất nước, tích cực chủ động hội nhập quốc tế. *Ba là*, nâng cao nhận thức và tập trung giải quyết vấn đề cơ cấu nhị nguyên, sự phân cách thành thị-nông thôn, quan hệ không hài hoà giữa công nghiệp-nông nghiệp. Thực hiện chiến lược phát triển phối hợp công nghiệp-nông nghiệp, thành thị-nông thôn. *Bốn là*, chú trọng giải quyết các vấn đề xã hội, đẩy mạnh chuyển dịch lao

động nông nghiệp sang lao động phi nông nghiệp, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cư dân nông thôn. Giải quyết kịp thời những khúc mắc của nông dân, xây dựng người nông dân kiểu mới. Năm là, phát huy vai trò tích cực của chính quyền các cấp địa phương trong đẩy mạnh phát triển kinh tế-xã hội nông thôn. Quy phạm và phát huy vai trò của các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong phát triển kinh tế-xã hội nông thôn. Đồng thời, phát huy truyền thống văn hoá tốt đẹp trong xây dựng thôn làng giàu mạnh và văn minh. Đặc biệt, kinh nghiệm của Trung Quốc trong chuyển dịch cơ cấu nhị nguyên thành thị nông thôn, phát triển phối hợp giữa công nghiệp-nông nghiệp, thành thị-nông thôn là những kinh nghiệm quý đối với Việt Nam, khi chúng ta đang đẩy nhanh tiến trình CNH, HDH nông nghiệp nông thôn.



CHÚ THÍCH:

1. Nguyễn Đăng Thành (1994): *Cải cách nông nghiệp và nông thôn Trung Quốc*, Nxb Chính trị Quốc gia, trang 27.
2. Nguyễn Sinh Cúc (2003): *Nông nghiệp nông thôn Việt Nam thời kỳ đổi mới*, Nxb Thống kê, Hà Nội, trang 17.
3. Bì Quân (2002): *Nghiên cứu so sánh thể chế kinh tế Trung-Việt*, Nxb Đại học Hạ Môn, Hạ Môn, tr 138.

4. Mao Dục Cương(2001): *Tìm hiểu diễn biến nông nghiệp Trung Quốc*, Nxb Văn hiến KHXH, Bắc Kinh, tr.270.
5. Lâm Thiện Vi (2003): *Chiến lược điều chỉnh cơ cấu kinh tế Trung Quốc*, Nxb KHXH Trung Quốc, Bắc Kinh, tr.498.
6. Nguyễn Sinh Cúc (2003): *Nông nghiệp nông thôn Việt Nam thời kỳ đổi mới*, Nxb Thống kê, Hà Nội, tr.31.
7. Sở nghiên cứu phát triển nông thôn Viện KHXH Trung Quốc (2007): *Sách xanh - Phân tích và dự báo tình hình kinh tế nông thôn Trung Quốc năm 2006-2007*, Nxb Văn hiến KHXH Trung Quốc, tr.84.
8. Nguyễn Sinh Cúc (2003): *Nông nghiệp nông thôn Việt Nam thời kỳ đổi mới*, sách đã dẫn, tr.42.
9. http://www.stats.gov.cn/tjgb/ndtjgb/qgndtjgb/t20070228_402387821.htm
10. Nguyễn Sinh Cúc (2003): *Nông nghiệp nông thôn Việt Nam thời kỳ đổi mới*, sách đã dẫn, tr.42.
11. Báo Nhân dân, ngày 28-7-2005.
12. Báo Nhân dân, ngày 28-7-2005.
13. Nguyễn Sinh Cúc: *CNH, HDH nông nghiệp nông thôn sau 2 năm thực hiện nghị quyết TW 5 khoá 9*.
14. Nguyễn Xuân Cường (2006): *Cơ cấu nhị nguyên thành thị nông thôn ở Trung Quốc*, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 6.
15. Kinh tế nhật báo Trung Quốc, ngày 16-11-2005.
16. http://news.xinhuanet.com/politics/2006-01/26/content_4105463.htm
17. Nhân dân nhật báo Trung Quốc, ngày 23-2-2006.